

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CP  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2022/DS-ST  
Ngày: 19 - 10 - 2022  
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Khắc Chung;

Ông Nguyễn Văn Giữ.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2022/TLST – DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Nhựt D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khóm 5, phường CP A, thành phố Ch Đ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm 3, phường CP A, thành phố Ch Đ, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 07/5/2022).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim Th, sinh năm 1972;

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Cùng trú tại địa chỉ: Ấp Hưng L, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang.

Ông Ch có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà Th, ông T vắng mặt tại phiên toà.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Ch trình bày: Do có mối quan hệ thân quen nhau từ trước, nên ông D có vợ chồng ông T, bà Th vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 12/7/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 28/7/2021; Ngày 06/8/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 20/8/2021; Ngày 11/8/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 16/8/2021, đến ngày 26/8/2021 ông T, bà Th có trả được số tiền vốn của lần vay này được 150.000.000đ, còn nợ lại vốn 50.000.000đ; Ngày 16/8/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 07/9/2021; Ngày 30/8/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 03/9/2021; Ngày 14/9/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 30/9/2021; Ngày 24/11/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 03/12/2021. Tính đến ngày 24/11/2021, tổng số tiền ông T, bà Th còn nợ ông D số tiền vốn 1.400.000.000đ. Trong quá trình vay, do tin tưởng nhau khi không có làm biên nhận nợ, nhưng các lần vay bà Th đều có nhắn tin xác nhận nợ với ông D. Lãi suất thoả thuận miệng là 3%/tháng, từ khi vay đến nay ông T, bà Th có trả tiền lãi cho ông D được số tiền 15.000.000đ. Khi vay ông T, bà Th có nói là vay để xoay vốn kinh doanh trong gia đình. Ngày 14/3/2022, ông T, bà Th có làm Tờ cam kết, trong đó có thừa nhận có nợ ông D số tiền 1.400.000.000đ và hứa ngày 31/3/2022 sẽ trả số nợ trên cho ông D, nếu không thực hiện như cam kết thì bị đơn sẽ tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng đất và nhà của bị đơn cho ông D để trừ nợ. Tuy nhiên sau đó bị đơn không thực hiện mà đã lên lúc chuyển nhượng tài sản cho người khác và bỏ trốn đến nay. Nay ông D yêu cầu ông T, bà Th phải liên đới trả cho ông D số tiền vay vốn là 1.400.000.000đ, đồng thời yêu cầu tính lãi theo lãi suất 20%/năm từ ngày 24/11/2021 đến khi giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Phô tô các tin nhắn xác nhận các lần vay nợ; phô tô Tờ cam kết 14/3/2014.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Kim Th, Tòa án đã tổng đạt tiến hành hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông T, bà Th vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, bà Th.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông T, bà Th vắng mặt.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Kim Th có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Nhật D số tiền vốn vay 1.400.000.000đ. Về tiền lãi suất đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và tính lãi theo quy định tại khoản 12 Điều 468 của Bộ luật dân sự từ ngày 24/11/2021 đến ngày xét xử 19/10/2022.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông D yêu cầu ông T, bà Th trả số tiền vay 1.400.000.000đ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông T, bà Th có hộ khẩu thường trú tại xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Ông D khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Kim Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Ông D yêu cầu ông T, bà Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay 1.400.000.000đ. Xét việc vay mượn tiền giữa ông D và ông T, bà Th tuy không có làm biên nhận nợ tại các lần vay nhưng trên thực tế có xảy ra được thể hiện qua các tin nhắn nhận nợ, hẹn ngày trả nợ của bà Th, cụ thể: Ngày 12/7/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 28/7/2021; Ngày 06/8/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 20/8/2021; Ngày 11/8/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 16/8/2021, đến ngày 26/8/2021 ông T, bà Th có trả được số tiền vốn của lần vay này được 150.000.000đ, còn nợ lại vốn 50.000.000đ; Ngày 16/8/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 07/9/2021; Ngày 30/8/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 03/9/2021; Ngày 14/9/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 30/9/2021; Ngày 24/11/2021 ông D cho ông T, bà Th vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 03/12/2021. Chứng cứ này còn phù hợp với Tờ cam kết ngày 14/3/2022 thể hiện ông T bà Th còn nợ ông D số tiền 1.400.000.000đ do bà Th ký xác nhận nợ và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Việc vay giữa các đương sự là tự nguyện thỏa thuận, không trái với quy định của pháp luật. Hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 của Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Về nghĩa vụ liên đới của ông T và bà Th: Giao dịch vay thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà Th, vay với số tiền lớn, nhằm làm vốn kinh doanh phục vụ sinh hoạt nhu cầu chung của gia đình, do đó ông T và bà Th cùng phải có nghĩa vụ chung về tài sản do vợ hoặc chồng thực hiện là phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình. Đồng thời, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản

tổ tụng cho ông T, bà Th nhưng ông T, bà Th vắng mặt và cũng không có ý kiến, đều đó mặc nhiên ông T, bà Th đã thừa nhận trách nghĩa vụ trả nợ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T và và Huỳnh Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Nhựt D số tiền vay vốn 1.400.000.000đ.

[2.2] Về lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án, ông D yêu cầu tính lãi 20%/năm đối với số tiền vốn vay 1.400.000.000đ từ ngày 24/11/2021 đến khi giải quyết xong vụ án. Xét, việc thoả thuận vay của các đương sự không được lập bằng văn bản, lãi suất vay không ghi cụ thể trong tin nhắn và trong Tờ cam kết trả nợ. Nay có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu tính lãi, tuy nhiên nguyên đơn cho rằng khi vay lãi suất thoả thuận miệng là 3%/tháng và bị đơn có trả lãi được số tiền 15.000.000đ, nhưng nguyên đơn không xác định được tiền này thu lãi bao nhiêu phần trăm của số tiền của lần vay nào, bị đơn không có ý kiến về tiền lãi đã trả, nguyên đơn cũng không có yêu cầu tính lãi chậm trả. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền vốn vay 1.400.000.000đ từ ngày 24/11/2021 đến ngày xét xử 19/10/2022 là phù hợp. Cụ thể, lãi suất được tính như sau:

$$1.400.000.000\text{đ} \times 10\%/năm \times 10 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 126.388.841\text{đ}$$

Như vậy, tổng số tiền ông T, bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền 1.526.388.841đ, trong đó tiền vốn vay là 1.400.000.000đ, tiền lãi 126.388.841đ (tính đến 19/10/2022).

[3] Về án phí: Ông T, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho ông D tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470, của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nhựt D.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Nhựt D số tiền 1.526.388.841đ (Một tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi một đồng), trong đó vốn vay 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), tiền lãi 126.388.841đ (Một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi một đồng) (tiền lãi tạm tính đến 19/10/2022).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Kim Th cùng phải chịu 57.791.665đ (Năm mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Nhựt D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông D số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003638 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Mỹ**